

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 16-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn T3 - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Quốc T, sinh ngày tháng 3 năm 1966 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc K và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Lê Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/10/2018 đến ngày 10/10/2018 chuyển sang tạm giam. Có mặt.

2. Bùi Thị Ngọc O, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 76/37 AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng (Số mới 83/69/37 AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Đỗ Anh T1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 916/2017/HSPT ngày 27/12/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 36 tháng thử thách về tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/10/2018 đến ngày 10/10/2018 chuyển sang tạm giam. Có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trịnh Thị LT, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 09/51/90 TL, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Vũ Thị Ngọc L;

2. Chị Vũ Thị CA.

Toàn bộ người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 02/10/2018 tại nhà số 83/69/37 đường vòng hồ An Biên, phường DG, quận NQ, thành phố Hải Phòng, Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O đã bán cho Trần Thị PL, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số 6/8 ĐH, HA, Hải Phòng 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu AA/18P của Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM, mã số dO nghiệp: 0201811181 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang. Cụ thể hóa đơn số 000058 ghi ngày 04/9/2018, đơn vị mua hàng là Công ty cổ phần khoáng nghiệp TA, địa chỉ số 37 NTT, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng, hóa đơn số 0000075 ghi ngày 01/10/2018 và Hóa đơn số 0000057 ngày 04/9/2018 cho đơn vị mua hàng là Công ty TNHH thương mại TM, địa chỉ số 40A/54/143 TĐT, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng trên 03 tờ hóa đơn dO số không ghi là 817.620.549 đồng với giá bán 3% trên dO số ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế VAT). Tang vật thu giữ gồm: 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT); 06 tờ giấy trắng khổ A4 phần góc phía dưới bên phải có hình dấu tròn màu đỏ “*Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM*”; chữ ký và dấu chức danh “ *Giám đốc Phạm NA*”; 02 tờ giấy khổ A4 ghi tên, địa chỉ, hàng hóa cần ghi vào trong hóa đơn; 02 phong bì thư bên trong có tổng số tiền là 22.400.000đồng.

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Bùi Thị Ngọc O tại số 83/69/37 đường vòng hồ An Biên, phường DG, quận NQ, thành phố Hải Phòng thu giữ 04 con dấu hình tròn bằng nhựa có ghi Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐĐ, Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TDL, Công ty TNHH PTTM tổng hợp HDTA; 05 con dấu hình chữ nhật bằng nhựa có ghi Hà Tre Quán, các dấu chức danh giám đốc Phạm NA, Nguyễn Thị CA, Vũ TH và Bùi Thị Ngọc O; 03 quyển hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung (quyển số 03, 04, 05) mỗi quyển có 50 số, mỗi số 03 tờ (03 liên) ghi đơn vị bán hàng Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM; 01 quyển hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung (quyển số 02) quyển có 50 số, mỗi số 03 tờ (03 liên) ghi đơn vị bán hàng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ tổng hợp TBD; 02 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (quyển số 01, 02) đã ghi nội dung ở một số tờ ghi đơn vị bán

hàng Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM; 02 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (quyển số 02, 03) đã ghi nội dung ở một số tờ ghi đơn vị bán hàng Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐĐ; 02 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (quyển số 01, 05) đã ghi nội dung ở một số tờ ghi đơn vị bán hàng Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TĐL; 03 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung và Nokia; Các giấy tờ như giấy Ủy nhiệm chi, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phiếu thu, phiếu xuất kho, séc ...

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Lê Quốc T tại thôn 5, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng thu giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen; 01 mảnh giấy ghi Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu HM; 01 mảnh giấy ghi Công ty TNHH một thành viên vận tải Dũng Viện; 01 tờ giấy A4 ghi Công ty TNHH thương mại vận tải NTP.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Thị Ngọc L, sinh năm 1980, trú tại số 90 CL 2, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng (theo lời khai của T là nơi T gửi, cất giấu tài liệu) thu giữ 01 quyển hóa đơn giá trị gia tăng một số tờ đã ghi nội dung tên đơn vị bán hàng Công ty TNHH Đầu tư thương mại công nghệ HG; 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung tên đơn vị bán hàng Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và vận tải HD; 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung tên đơn vị bán hàng Công ty TNHH Đầu tư thương mại công nghệ HG; 09 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung tên đơn vị bán hàng Công ty TNHH PTTM tổng hợp HDTA; 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung, kèm theo bảng kê phụ thùng ô tô mang tên đơn vị bán hàng Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM và một số tài liệu khác có liên quan như Giấy ủy nhiệm chi, giấy rút tiền mặt, giấy giới thiệu ...

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Trịnh Thị LT là kế toán do O và T thuê tại số 9/51/90 TL, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng thu giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS TP550L đã qua sử dụng; 05 chữ ký số dùng để kê khai báo cáo thuế (trong đó có 01 chữ ký số màu vàng trên mặt chữ ký có dán giấy ghi dòng chữ “HDM”); 01 CPU màu đen đã qua sử dụng; 02 thùng cát tông bên trong chứa các hồ sơ, chứng từ hóa đơn.

Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định các tài liệu thu giữ được trong quá trình bắt giữ và khám xét khẩn cấp. Tại kết luận giám định số 96/KLGĐ ngày 05/10/2018 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “ 13 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2, ký hiệu AA/18P gồm các số ... mang tên Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Người bán hàng” có chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị H1. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Phạm NA (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A13); 12 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 ký hiệu TA/18P gồm các số mang tên Công ty TNHH

PTTM tổng hợp HDTA. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Nguyễn Thị CA (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu A14 đến A25); 01 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2, ký hiệu AA/17P mang tên Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ tổng hợp TBD. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Người bán H1ng” có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H1. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Vũ Hữu H2 (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu A26); 02 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 ký hiệu AA/17P mang tên Công ty TNHH Thương mại SS. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Người bán H1ng” có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị T3. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Phạm QH (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu A27, A28); 01 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 ký hiệu AA/17P mang tên Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐĐ. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Người bán H1ng” có chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị H1. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Bùi Thị Ngọc O (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu A29); 04 hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 ký hiệu AA/17P mang tên Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và vận tải HD. Tại mục in sẵn có chữ viết qua giấy than. Tại mục “Người bán H1ng” có chữ ký, chữ viết mang tên Đào Thị TH. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Lê Quốc T (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu từ A30 đến A33); 07 hóa đơn giá trị gia tăng liên 1 ký hiệu AA/15P mang tên Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TĐL Tại mục in sẵn có chữ viết (đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu từ A34 đến A40); 03 hóa đơn giá trị gia tăng liên 1 ký hiệu AA/15P mang tên Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TĐL Tại mục in sẵn có chữ viết. Tại mục “Thủ trưởng đơn vị” có chữ ký mang tên giám đốc Vũ TH đóng dấu tài liệu cần giám định ký hiệu từ A41 đến A43)..... Chữ viết qua giấy than tại các mục in sẵn trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6, A10, A11, từ A13 đến A26 và A29 so với chữ viết của Bùi Thị Ngọc O trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M6, M7) là chữ viết của cùng một người; Chữ viết tại các mục in sẵn trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A34 đến A43 so với chữ viết của Bùi Thị Ngọc O trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M6, M7) là chữ viết của cùng một người; Chữ viết qua giấy than tại các mục in sẵn trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A9, A12, A27, A28, A30 đến A33 A29 so với chữ viết của Bùi Thị Ngọc O trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M6, M7) không phải chữ viết của cùng một người; Chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu giám định ký hiệu A29 so với chữ ký của của Bùi Thị Ngọc O trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M6, M7) là chữ ký của cùng một người; Chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A28 và A41, A42, A42 so với chữ ký của của

Bùi Thị Ngọc O trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M6, M7) là không đủ cơ sở để đánh giá kết luận; Chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A30 đến A33 so với chữ ký của Lê Quốc T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5) là chữ ký của cùng một người; Chữ ký, chữ viết tại các mục “Người bán H1ng” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, từ A5 đến A13, A15, A25, A26 so với chữ ký, chữ viết của Lê Quốc T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5) là chữ ký, chữ viết của cùng một người; Chữ ký, chữ viết tại các mục “Người bán H1ng” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A27, A28, A30 đến A33 so với chữ ký, chữ viết của Lê Quốc T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5) không phải chữ ký, chữ viết của cùng một người; Chữ ký, chữ viết tại các mục “Người bán H1ng” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A29 so với chữ ký, chữ viết của Lê Quốc T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5) là không đủ cơ sở để đánh giá, kết luận”.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng các bị can Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O đã khai nhận: Từ năm 2016 Lê Quốc T cùng Bùi Thị Ngọc O cùng nhau bàn bạc thống nhất mua lại và tH1nh lập mới 09 Công ty với mục đích để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng thu lời gồm: Trong đó, Bùi Thị Ngọc O đứng ra mua lại và thành lập Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM, MST: 0201811181 tại địa chỉ số 7A/125 Phủ Thượng Đoạn, phường ĐH 1 quận HA, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ tổng hợp TBD, MST: 0201762777 tại địa chỉ số 23/135 H1ng Kênh, quận LC, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐĐ, MST: 0201300596 tại địa chỉ số 5/77 TP, phường Lương Khánh Thiện, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH PTTM tổng hợp HDTA, MST: 0801235807 tại địa chỉ số 14/4 ngõ 16 Chi Lăng, Nguyễn Trãi, tH1nh phố Hải Dương, T và O chung nhau thành lập Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TDL, MST: 0201392903 tại địa chỉ quận HA, thành phố Hải Phòng. T và O thống nhất với nhau giá bán hóa đơn giá trị gia tăng là 3% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế giá trị gia tăng). Đối với các Công ty này O là người trực tiếp quản lý, sử dụng các con dấu Công ty, dấu chức danh giám đốc, viết hóa đơn, ký giả các chữ ký giám đốc trên hóa đơn, chứng từ, tài liệu cần thiết, còn T là người đi tìm kiếm khách mua hóa đơn, khi có khách đặt mua hóa đơn, T lấy thông tin cần ghi trong hóa đơn đưa lại cho O, còn O là người ghi nội dung vào trong hóa đơn, trực tiếp ký chức danh Giám đốc công ty mà O tH1nh lập, ký giả chữ ký Giám đốc công ty mua lại rồi đưa lại cho T để giao cho người đặt mua. Sau khi thu tiền về T chia lại cho O số tiền bằng 1,8% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn, T được hưởng 1,2% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn chưa tính thuế giá trị gia tăng.

Đối với các công ty do Lê Quốc T đứng ra thành lập và mua lại gồm: Công ty TNHH Đầu tư thương mại công nghệ HG, MST: 0201260248 tại địa chỉ số 12A KH, phường DH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và vận tải HD, MST: 0201818148 tại địa chỉ số 92 đường bao, phường DH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH MTV đầu tư thương mại và vận tải HG, MST: 5300731306 tại địa chỉ số 198 đường ĐB, phường DH, thành phố LC, tỉnh LC; Công ty TNHH xây dựng thương mại và vận tải PVT, MST: 0201879172 tại địa chỉ số 17 đường ĐA, phường TT, quận HA, thành phố Hải Phòng thì T trực tiếp tìm kiếm khách hàng, giao dịch, ghi hóa đơn, quản lý, sử dụng các con dấu Công ty, dấu chức danh giám đốc, viết hóa đơn, ký giả các chữ ký giám đốc trên hóa đơn, chứng từ, tài liệu cần thiết, số tiền mua bán hóa đơn của các công ty này T được hưởng, không phải chia lại cho O.

Để hợp lý hóa H1nh vì mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, hợp lý hóa chứng từ sổ sách, khai báo với cơ quan thuế, T và O đã cùng thuê Trịnh Thị LT, sinh năm: 1978, địa chỉ: Số 09/51/90 TL, ĐL, HA, Hải Phòng làm kế toán để kê khai, báo cáo thuế điện tử cho các cơ quan thuế. Trịnh Thị LT nhận chứng từ, tài liệu, hóa đơn từ T và O đưa lại để tổng hợp, thống kê dO số đầu ra, đầu vào, kê khai, nộp tờ khai, báo cáo thuế thông qua hệ thống nộp thuế điện tử cho các Chi cục thuế có liên quan, O và T không bàn bạc và không cho Trịnh Thị LT biết việc mua bán trái phép hóa đơn.

Theo quy định của NH1 nước, các số hóa đơn có dO số trên 20.000.000 đồng phải T toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân H1ng. Do vậy, để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không có H1ng hóa kèm theo, nên T và O thỏa thuận với khách H1ng về việc chuyển khoản. Nếu khách mua hóa đơn tự chuyển khoản thì T sẽ chỉ đạo O viết, đóng dấu không Séc rút tiền trước rồi đưa lại cho khách H1ng. Nếu phải tự chuyển khoản thì T thông báo cho O ra ngân H1ng nộp tiền vào tài khoản của khách H1ng, sau đó O dùng Ủy nhiệm chi của khách mua hóa đơn đã ký, đóng dấu không để chuyển số tiền vừa nộp từ tài khoản của khách H1ng về tài khoản của Công ty (do T, O sử dụng) sau đó O dùng Séc để rút tiền về.

Về nguồn gốc H1ng hóa, dịch vụ mua vào T, O kê khai với cơ quan thuế H1ng tháng (Từ tháng 01/2016 đến tháng 9/2018), T và O thừa nhận 09 Công ty trên không có hoạt động kinh dO, mua bán H1ng hóa, dịch vụ gì. Để hợp lý hóa H1ng hóa dịch vụ đầu vào, T và O đã sử dụng 09 Công ty của mình để xuất hóa đơn đầu vào cho nhau. DO số H1ng hóa, dịch vụ mua vào không là: 184.600.468.843 đồng.

Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O đã lấy danh nghĩa 9 công ty trên đặt in tổng cộng 45 quyển hóa đơn giá trị gia tăng = 2.250 số hóa đơn GTGT tại các dO

nghiệp in tư nhân. Tính từ tháng 01/2016 đến hết tháng 9/2018, T và O đã bán không 1.068 số hóa đơn GTGT với tổng dO số hàng hóa dịch vụ mua vào không của 09 Công ty là: 184,600,468,843 đồng (một trăm tám mươi tư tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). DO số hàng hóa, dịch vụ bán ra không là: 186.035.860.056 đồng (một trăm tám mươi sáu tỷ, không trăm ba lăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền thu được thông qua việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng đã chi nộp thuế vào ngân sách nH1 nước là 72.558.230 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính được từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng Bùi Thị Ngọc O thông qua 04 công ty mà O mua lại, tH1nh lập và 01 công ty mà O và T cùng nhau thành lập là 1.577.338.923 đồng, Lê Quốc T thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng của 09 công ty là 3.931.178.647đồng

Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng tiến H1nh xác minh tại địa chỉ theo Đăng ký kinh dO của 09 công ty mà T và O đã sử dụng vào H1nh vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Tại các địa chỉ trên chủ hộ của 09 địa điểm đăng ký trụ sở của 09 Công ty nêu trên khẳng định không cho ai thuê nH1, thuê văn phòng, thuê đặt biển hiệu Công ty và không có bất kỳ hoạt động gì. Chính quyền địa phương xác nhận tại địa điểm đăng ký trụ sở 09 Công ty trên đều không đặt biển hiệu, không có văn phòng, kho bãi H1ng hóa, không có hoạt động sản xuất, kinh dO gì.

Kết quả xác minh tại các cơ quan quản lý nH1 nước (cơ quan Thuế) cung cấp xác định: Công ty HD có tổng dO số hàng hóa , dịch vụ mua vào là : 18.824.015.456 đồng. DO số hàng hóa, dịch vụ bán ra là : 18.872.615.455 đồng. Thuế GTGT phải nộp là: 4.860.000 đồng. Công ty HD đã nộp đủ tiền thuế GTGT trên. Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty HDM kê khai, báo cáo thuế trắng(không phát sinh hoạt động kinh Đ). Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty TDL có tổng dO số hàng hóa , dịch vụ mua vào là : 51.664.939.269 đồng. DO số hàng hóa , dịch vụ bán ra là : 51.811.181.013 đồng. Thuế GTGT phải nộp là : 20.181.000 đồng. Công ty TDL đã nộp đủ tiền thuế GTGT trên. Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty Phúc Vạn TH1nh kê khai, báo cáo thuế trắng(không phát sinh hoạt động kinh Đ). Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty HG (Hải Phòng) có tổng dO số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 56.834.061.376 đồng. DO số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 56.993.299.425 đồng. Thuế GTGT phải nộp là : 16.736.946 đồng. Công ty HG đã nộp đủ tiền thuế GTGT trên. Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty TBD có tổng dO số hàng hóa , dịch vụ mua vào là : 25.732.033.973 đồng. DO số hàng hóa , dịch vụ bán ra là : 25.813.579.490 đồng. Thuế GTGT phải nộp là : 8.160.000 đồng. Công ty TBD còn nợ 1.379.225 đồng tiền chậm nộp thuế. Công ty HDTA có tổng dO số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 10.120.709.981 đồng. DO số

hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 10.156.146.214 đồng. Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế. Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Vận tải HG, mã số thuế: 5300731306, ngày cấp: 08/8/2017, thực hiện nộp tờ khai thuế và báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý, kê khai qua mạng. Công ty HG, LC có tổng dO số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 19.616.500.000 đồng. DO số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 20.504.393.863 đồng. Chưa phát hiện sai phạm trong lĩnh vực thuế.

Các chi cục thuế không cung cấp được Bảng kê chi tiết H1ng hóa, dịch vụ mua vào bán ra từ tháng 01/2015 đến nay của 09 Công ty do T, O sử dụng vì theo Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 do Quốc hội ban H1nh ngày 26/11/2014, từ tháng 01/2015, hồ sơ khai thuế của dO nghiệp chỉ là tờ khai theo tháng hoặc theo quý, không có bảng kê H1ng hóa, dịch vụ chi tiết kèm theo. Do đó, không có căn cứ xác định chính xác các dO nghiệp nào đã bán trái phép hóa đơn GTGT cho T, O mà chỉ căn cứ vào lời khai của O, T là các hóa đơn dO số đầu vào của 09 Công ty trên do chính các Công ty của T và O xuất hóa đơn cho nhau nhằm che dấu cơ quan chức năng.

Xác minh tại Công ty TNHH in - quảng cáo và thương mại Đại An Tín; Công ty cổ phần ACS Việt Nam nơi T và O đã đặt in hóa đơn giá trị gia tăng và tài liệu chứng cứ thu thập được thông qua khám xét. Kết quả 09 Công ty của T, O đã đặt in mới tổng cộng 2.250 số hóa đơn từ tháng 01/2016 đến nay. Tất cả các số hóa đơn đã in đều có Thông báo in, phát H1nh hóa đơn đã được xác nhận của Chi cục thuế quản lý.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc tại các Ngân H1ng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hải Phòng; Ngân H1ng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh ĐH Phòng; Ngân H1ng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; Ngân H1ng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển (BIDV) - Chi nhánh Hải Phòng; Ngân H1ng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kim Tân, LC II; Ngân H1ng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Hải Phòng, phòng giao dịch Lê Thánh Tông; Ngân H1ng Á châu đã thực hiện việc phong tỏa tài khoản, kết quả có tổng số dư trên các tài khoản tại thời điểm phong tỏa là 18.384.650 đồng.

Thông qua biên bản phạm pháp quả tang, kết quả khám xét nơi ở, cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định được 65 dO nghiệp có việc sử dụng hóa đơn GTGT của T, O. Trong đó 13 dO nghiệp có tổng tiền H1ng ghi trên các số hóa đơn trên 01 tỷ đồng, còn lại 52 dO nghiệp có tổng tiền H1ng ghi trên các số hóa đơn dưới 01 tỷ đồng. Tiến H1nh xác minh, triệu tập giám đốc của 12/13 dO nghiệp có tổng tiền H1ng ghi trên các số hóa đơn trên 01 tỷ đồng và 08/52 dO nghiệp có tổng tiền

H1ng ghi trên các số hóa đơn dưới 01 tỷ đồng, kết quả: 11/20 dO nghiệp khai có mua H1ng hóa thật, kèm theo là hóa đơn GTGT, không mua hóa đơn GTGT của T, O. Các dO nghiệp đều mua H1ng hóa của những người đến công trình, kho bãi và cH1o bán H1ng. Sau khi thỏa thuận mua bán H1ng hóa xong, các dO nghiệp yêu cầu người bán H1ng phải xuất hóa đơn GTGT, chứng từ kèm theo thì mới mua và đã nhận được các số hóa đơn giá trị gia tăng trên. Tại thời điểm xác minh, các dO nghiệp đều có văn phòng, có kho bãi H1ng hóa, có phương tiện kinh dO, có hoạt động sản xuất, kinh dO bình thường. Chủ dO nghiệp không biết việc mua trái phép hóa đơn, đều mua H1ng và được xuất hóa đơn qua khâu trung gian, hiện không xác định được người trung gian làm gì, ở đâu. Còn lại 09/20 dO nghiệp chưa có mặt tại cơ quan điều tra để làm việc.

Tang vật thu giữ và xử lý: Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng đã thu giữ của Lê Quốc T 01 điện thoại di động, thu của Bùi Thị Ngọc O 03 điện thoại. Đã phong tỏa số dư trên tài khoản của 09 công ty là 1.052.384.650 đồng; 09 con dấu giám đốc, dấu Công ty, dấu nH1 H1ng; 09 quyển hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; 06 quyển hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung; 01 chữ ký số của Công ty HDM; 01 máy vi tính xách tay đã qua sử dụng chuyển theo Hồ sơ vụ án. Đối với chiếc máy tính xách tay thu giữ tại nH1 của Lê Quốc T qua xác minh là tài sản riêng của con trai T không liên quan đến H1nh vì mua bán hóa đơn nên Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng đã xử lý trả lại cho gia đình T.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-P3 ngày 28 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O khai nhận H1nh vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quốc T từ 36 tháng tù đến 48 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt từ 30.000.000 đến 50.000.000 đồng;

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Ngọc O từ 30 đến 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 916/2017/HSPT ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại H1 Nội, buộc bị cáo O phải chấp H1nh hình phạt chung của hai bản án là từ 48 đến 54 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Về thu lợi bất chính: Buộc các bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ NH1 nước, cụ thể: Bị cáo T phải nộp số tiền 3.931.178.647 đồng, bị cáo Bùi Thị Ngọc O phải nộp số tiền 1.577.338.923 đồng.

+ Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Trịnh Thị LT 01 máy tính xách tay và 01 CPU.

- Tịch thu, sung quỹ NH1 nước: 01 điện thoại di động Iphone của Lê Quốc T, thu của Bùi Thị Ngọc O 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung; Số tiền 22.400.000 (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng (Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 16/5/2019 của Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tH1nh phố Hải Phòng tại Kho bạc NH1 nước Hải Phòng)

+ Theo Kết luận điều tra và Cáo trạng số tiền 18.384.650 đồng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa tại các ngân H1ng tuy nhiên, tại tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo T và O khai nhận chỉ có 10.611.197 đồng có trong tài khoản của các công ty mở tại các ngân H1ng là dùng vào việc mua bán hóa đơn, còn lại số tiền còn lại trong ngân H1ng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng là tiền trong tài khoản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy chỉ tịch thu sung quỹ số tiền 10.611.197 đồng đã được phong tỏa tài khoản tại các ngân H1ng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 dấu Công ty, 05 dấu Giám đốc và dấu NH1 H1ng; 09 quyển hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; 06 quyển hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung; 04 chữ ký số; các giấy tờ tài liệu khác: Ủy nhiệm chi, giấy chứng nhận đăng ký kinh dO, phiếu thu, phiếu xuất kho, séc...

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Ngọc O 02 điện thoại di động Nokia nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi H1nh án cho bị cáo O.

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 1.034.000.000 đồng hiện đang bị phong tỏa trong tài khoản số 32110000910409 mang tên Công ty TBD mở tại ngân H1ng BIDV Hải Phòng theo Lnh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tH1nh phố Hải Phòng, để Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tH1nh phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, làm rõ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1]. Về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tH1nh phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2016 Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O cùng nhau bàn bạc thống nhất mua lại và tH1nh lập mới 09 Công ty với mục đích để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng thu lợi. Trong đó Bùi Thị Ngọc O mua lại và đứng ra tH1nh lập 04 công ty gồm: Công ty TNHH vận tải xây dựng HDM; Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ tổng hợp TBD; Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐĐ; Công ty TNHH PTTM tổng hợp HDTA; T và O chung nhau tH1nh lập 01 Công ty Cổ phần đầu tư thương mại TĐL. T và O thống nhất với nhau giá bán hóa đơn giá trị gia tăng là 3% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn, số tiền thu được của 04 công ty của O và 01 công ty mà O và T cùng tH1nh lập, T chia lại cho O số tiền bằng 1,8% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn, T được hưởng 1,2% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn. Lê Quốc T đứng ra tH1nh lập và mua lại 04 công ty gồm: Công ty TNHH Đầu tư thương mại công nghệ HG; Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và vận tải HD; Công ty TNHH MTV đầu tư thương mại và vận tải HG; Công ty TNHH xây dựng thương mại và vận tải Phúc Vạn TH1nh, số tiền mua bán hóa đơn của các công ty này T được hưởng, không phải chia lại cho O.

[3] Từ tháng 01/2016 đến hết tháng 9/2018 O và T đã bán tổng số 1.068 số hóa đơn giá trị gia tăng với tổng dO số hàng hóa dịch vụ mua vào không củ09 Công ty là 184.600.468.843 đồng (một trăm tám mươi tư tỷ, sáu trăm triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). DO số hàng hóa dịch vụ bán ra không là 186.035.860.056 đồng (một trăm tám mươi sáu tỷ, không trăm ba lăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng) với giá trung bình là 3% dO số H1ng hóa không (chưa tính thuế VAT 10%). Số tiền các bị cáo thu lợi bất chính được từ việc mua bán hóa đơn là 5.314.487.572 đồng. Trong đó, Bùi Thị Ngọc O thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng là 1.577.388.923 đồng, Lê Quốc T thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng là 3.931.178.647 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo Điều 203 BLHS như Viện kiểm sát truy tố, kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, H1nh vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của NH1 nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại

đền lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách nhà nước. Chính vì vậy phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O đã bán 1.068 hóa đơn giá trị gia tăng. Bị cáo Bùi Thị Ngọc O thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng là 1.577.388.923 đồng, Lê Quốc T thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng là 3.931.178.647 đồng. Do đó, các bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O bị xét xử theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[6] Bị cáo Lê Quốc T trực tiếp thành lập và mua lại 04 công ty và thực hiện việc mua bán hóa đơn của các công ty và thu lợi từ việc bán hóa đơn của các công ty này. Đối với công ty do bị cáo thành lập chung với bị cáo O, bị cáo cùng bị cáo O thực hiện việc mua bán hóa đơn và hưởng lợi 50% từ việc mua bán hóa đơn của công ty này. Đối với 04 công ty do bị cáo O thành lập, bị cáo thực hiện việc môi giới việc mua bán hóa đơn và hưởng 1,2% trên số tiền trị giá hàng hóa trên mỗi hóa đơn, bị cáo O hưởng 1,8% trên trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn. Số tiền tiền thu lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của bị cáo là 3.931.178.647 đồng, cao hơn nhiều so với số tiền thu lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của bị cáo O là 1.577.388.923 đồng. Do đó đánh giá vai trò của bị cáo T trong vụ án là cao hơn so với bị cáo O. Vì vậy cần buộc bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo O.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị Ngọc O đã bị kết án, chưa được xóa án tích và lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành lập khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 916/2017/HSPT ngày 27/12/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt Bùi Thị Ngọc O 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 36 tháng thử thách. Bị cáo Bùi Thị Ngọc O phạm tội trong thời gian thử thách, do vậy, bị cáo phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù theo quyết định của bản án trên và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 và khoản 3 Điều 65 Bộ luật hình sự.

[10] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đến 50.000.000 đồng. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Căn cứ vai trò của các bị cáo áp dụng mức phạt 50.000.000đ đối với bị cáo T và áp dụng mức phạt 20.000.000đ đối với bị cáo O là phù hợp.

- Về thu lợi bất chính:

[11] Bị cáo Lê Quốc T đã thu số tiền từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 3.931.178.647 đồng, bị cáo Bùi Thị Ngọc O đã thu số tiền từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 1.577.338.923 đồng. Đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ NH1 nước.

- Về những vấn đề có liên quan đến vụ án:

[12] Đối với Vũ Hữu H2, sinh năm 1977, trú tại tổ 6 Phường Lưu 1, phường ĐH 1, quận HA, tH1nh phố Hải Phòng là giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ TBD theo lời khai của Bùi Thị Ngọc O khoảng cuối tháng 8/2018 giữa O và H2 có sự thỏa thuận với nhau từ trước, H2 đưa các quyền hóa đơn, hồ sơ tài liệu liên quan cho O quản lý, H2 chỉ có nhiệm vụ ký tên giám đốc, đóng dấu công ty rồi chuyển lại cho O khi có khách H1ng mua hóa đơn. Sau khi O bán được hóa đơn thì chia lại cho H2 số tiền 01% dO số bán H1ng hóa không ghi trên hóa đơn (chưa tính 10% thuế GTGT), đến khi bị phát hiện bắt giữ O chưa chia lại cho H2 khoản tiền nào, tài liệu điều tra chưa xác định số lượng hóa đơn mà O đã bán và dO số ghi trên hóa đơn cũng như việc kê khai thuế. Hiện H2 vắng mặt tại địa phương, do vậy chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[13] Đối với Trịnh Thị LT, sinh năm 1978, trú tại số 09/51/90 TL, phường ĐL, quận HA, tH1nh phố Hải Phòng là người được T và O thuê về làm kế toán kê khai thuế nhưng không được bàn bạc, tham gia việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng không xử lý.

[14] Vũ Thị Ngọc L, sinh năm 1980, trú tại số 90 CL2, phường HV, quận HB, tH1nh phố Hải Phòng là người mà Lê Quốc T đã gửi hóa đơn, con dấu, tài liệu của các công ty tại nH1 Lnhưng không được T bàn bạc, không biết việc T mua bán hóa đơn giá trị gia tăng và không được hưởng lợi gì. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng không xử lý.

[15] Đối với Trần Thị PL, sinh năm 1989, theo lời khai của Linh trú tại số 6/8 ĐH, HA, Hải Phòng là người môi giới mua 08 số hóa đơn giá trị gia tăng. Qua xác minh tại địa chỉ trên không có ai là Trần Thị PL. Hiện chưa xác định được địa chỉ của Linh do đó Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng tiếp tục xác minh có căn cứ xử lý sau.

[16] Đối với các giám đốc Công ty đứng tên trong đăng ký kinh dO của 09 Công ty mà T và O đã sử dụng để bán trái phép hóa đơn trên có Vũ Hữu H2, người đứng tên giám đốc Công ty TBD và Nguyễn Thị CA, người đứng tên giám đốc Công ty HDTA đã có mặt tại cơ quan điều tra để làm việc, song không thừa nhận cùng T và O thỏa thuận việc bán hóa đơn, hiện vắng mặt tại địa phương. Còn lại 07

người đứng tên giám đốc Công ty khác chưa có mặt tại cơ quan điều tra để làm việc. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận những người đứng tên giám đốc cho các Công ty trên đã vắng mặt khỏi địa phương từ nhiều tháng nay. Quá trình sinh sống tại địa phương, cả 09 người không làm giám đốc và tH1nh lập dO nghiệp để sản xuất, kinh dO gì. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng chưa xử lý.

[17] Đối với các dO nghiệp đã sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của các công ty do T và O bán ra, tài liệu điều tra thể hiện các dO nghiệp này mua bán H1ng hóa có thật thông qua người trung gian đến công trình, kho bãi và cH1o bán H1ng. Sau khi thỏa thuận mua bán H1ng hóa xong, các dO nghiệp yêu cầu người bán H1ng phải xuất hóa đơn GTGT, chứng từ kèm theo thì mới mua và đã nhận được các số hóa đơn giá trị gia tăng trên. Chủ dO nghiệp không biết việc mua trái phép hóa đơn, hiện không xác định được người trung gian làm gì, ở đâu. Do vậy không có căn cứ để xử lý.

[18] Đối với các dO nghiệp đã sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng do T và O đã bán hiện chưa có mặt tại cơ quan điều tra để làm việc hoặc chưa tiến H1nh xác minh được, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng có công văn gửi Cơ quan thuế có thẩm quyền để tiếp tục tiến H1nh các biện pháp xác minh, có căn cứ xử lý sau.

[19] Hội đồng xét xử xét thấy, việc Cơ quan điều tra không xử lý đối với Vũ Thị Ngọc L, Trịnh Thị LT và những trường hợp còn lại tiếp tục điều tra để xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng:

[20] Cơ quan điều tra thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng đã thu giữ:

[21] 01 điện thoại di động của Lê Quốc T, thu của Bùi Thị Ngọc O 03 điện thoại: Bị cáo T và O khai có sử dụng điện thoại vào việc liên lạc để bán hóa đơn nhưng bị cáo O chỉ sử dụng chiếc điện thoại Sam sung, hai điện thoại còn lại bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung quỹ đối với điện thoại của bị cáo T và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của bị cáo O, trả lại 02 điện thoại còn lại của bị cáo O nhưng tiếp tục giữ để đảm bảo thi H1nh án cho bị cáo.

[22] 01 máy tính xách tay và 01 CPU màu đen thu của chị Trịnh Thị LT nhưng T không biết việc bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho chị Trịnh Thị LT.

[23] 04 dấu Công ty, 05 dấu Giám đốc và dấu nH1 H1ng; 09 quyển hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; 06 quyển hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung; 04

chữ ký số; các giấy tờ tài liệu khác: Ủy nhiệm chi, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phiếu thu, phiếu xuất kho, séc... sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[24] Cơ quan điều tra đã phong tỏa số dư trên tài khoản của 09 công ty là 1.052.384.650 đồng, trong đó:

[25] Số tiền 1.034.000.000 đồng hiện đang bị phong tỏa trong tài khoản số 32110000910409 mang tên Công ty TBD mở tại ngân hàng BIDV Hải Phòng, Vũ Hữu H2 khai số tiền trên là tiền chuyển khoản ngân hàng nhằm hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn của Bùi Thị Ngọc O. Cụ thể như thế nào H2 không biết, H2 không có quan hệ kinh tế, không quen biết ai trong Công ty TNHH Khánh Phát, MST: 4600885400 (là Công ty chuyển khoản tiền 1.034.000.000 đồng nêu trên vào tài khoản Công ty TBD). Xác minh tại Công ty TNHH Khánh Phát, hiện nay ông Triệu Đức Hoài – Giám đốc Công ty đã được Cơ quan điều tra triệu tập 03 lần nhưng đến nay ông Hoài không có mặt tại Cơ quan điều tra để làm việc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền trên chưa làm rõ được nguồn gốc. Vì vậy, cần tiếp tục phong tỏa theo Lệnh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

[26] Theo Kết luận điều tra thì số tiền 18.384.650 đồng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa tại các ngân hàng tuy nhiên, tại tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo T và O khai nhận chỉ có 10.611.197 đồng có trong tài khoản của các công ty mở tại các ngân hàng là dùng vào việc mua bán hóa đơn, còn lại số tiền còn lại trong ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng là tiền trong tài khoản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy chỉ tịch thu sung quỹ số tiền 10.611.197 đồng đã được phong tỏa tài khoản tại các ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) – Chi nhánh Đống Đa; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) – Chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh LC II; Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Lê Thánh Tông; Ngân hàng Á Châu. Bị cáo T và O đã mở tài khoản mang tên các Công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Số tiền này sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[27] Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 22.400.000 đồng của bị cáo T và O là tiền sử dụng vào việc bán trái phép hóa đơn nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[28] Đối với chiếc máy tính xách tay thu giữ tại nH1 của Lê Quốc T qua xác minh là tài sản riêng của con trai T không liên quan đến H1nh vì mua bán hóa đơn nên Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tH1nh phố Hải Phòng đã xử lý trả lại cho gia đình T là đúng quy định pháp luật.

- Về án phí:

[29] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quốc T: 48 (Bốn mươi tám) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2018.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc O: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp H1nh 18 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 916/2017/HSPT ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại H1 Nội của bị cáo O về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai bản án 54 (Năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp H1nh hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2018.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc các bị cáo Lê Quốc T và Bùi Thị Ngọc O phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ NH1 nước, cụ thể: Bị cáo T phải nộp số tiền 3.931.178.647 đồng, bị cáo Bùi Thị Ngọc O phải nộp số tiền 1.577.338.923 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi H1nh xong tất cả khoản tiền thu lợi bất chính thì H1ng tháng bên phải thi H1nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H1nh án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Trả lại cho chị Trịnh Thị LT 01 máy tính xách tay và 01 CPU.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone của Lê Quốc T, thu của Bùi Thị Ngọc O 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung.

+ Số tiền 22.400.000 (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng (Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 16/5/2019 của Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng)

+ Số tiền 10.611.197 đồng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa gồm:

Tài khoản 32110000926293 mang tên Công ty TNHH Đầu tư thương mại Công nghệ HG, tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng số tiền là 872.183 đồng;

Tài khoản số 32110000910409 mang tên Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ tổng hợp TBD, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, số tiền 1.767.333 đồng.

Tài khoản số 8810201004935 mang tên Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và vận tải HG, tại Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kim Tân LC II, số tiền 874.625 đồng.

Tài khoản số 32310000274260 mang tên Công ty TNHH xây dựng TM và VT Phúc Vạn thành phố Hải Phòng, tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, số tiền 496.626 đồng.

Tài khoản số 32310000247970 mang tên Công ty TNHH XNK và vận tải HD, tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, số tiền 445.934 đồng.

Tài khoản số 229764009, mang tên Công ty Cổ phần ĐTTM TĐL, tại Ngân Hàng TMCP Á Châu, Phòng giao dịch Lạch Tray Hải Phòng, số tiền 1.415.564 đồng.

Tài khoản số 19132870895016 mang tên Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ tổng hợp TBD, tại Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Thánh Tông, Hải Phòng, số tiền 4.738.932 đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 dấu Công ty, 05 dấu Giám đốc và dấu Nhà nước; 09 quyển hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; 06 quyển hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung; 04 chữ ký số; các giấy tờ tài liệu khác: Ủy nhiệm chi, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phiếu thu, phiếu xuất kho, séc...

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Ngọc O 02 điện thoại di động Nokia nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo O.

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 1.034.000.000 đồng hiện đang bị phong tỏa trong tài khoản số 32110000910409 mang tên Công ty TBD mở tại ngân Hàng BIDV Hải Phòng theo Lệnh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, để Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, làm rõ (Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 13/11/2018 đối với tài khoản số 32110000910409 mang tên Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ tổng hợp TBD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng)

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/4/2019 tại Cục Thi H1nh án dân sự thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo Bản án: Các bị cáo (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H1 Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao tại H1 Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi H1nh án hình sự thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa

Nguyễn Thành Biên

Nguyễn Xuân Tuyến

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H1 Nội;
- VKSND cấp cao tại H1 Nội;
- VKSND tH1nh phố Hải Phòng;
- Công an tH1nh phố Hải Phòng;
- Cục Thi H1nh án dân sự tH1nh phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tH1nh phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi H1nh án;
- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu H1